



NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN DỊCH THUẬT TIỂU THUYẾT NỮ TRUNG QUỐC THỜI KỲ MỚI TẠI VIỆT NAM

Đoàn Thị Minh Hoa

Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm tp. Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Đoàn Thị Minh Hoa** < dtmhoa@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 15-05-2023; Ngày chấp nhận đăng: 29-06-2023)

Tóm tắt. Năm 1996, cuốn tiểu thuyết văn học nữ Trung Quốc thời kỳ mới đầu tiên được dịch và xuất bản tại Việt Nam, từ đó đến nay đã gần 30 năm nhưng tiểu thuyết của dòng văn học này vẫn được chào đón một cách nồng nhiệt tại thị trường sách Việt Nam, thậm chí số lượng tác phẩm dịch có thời điểm đạt đến 40 cuốn trong một năm. Vậy những yếu tố nào khiến cho dòng văn học này được đón nhận nồng nhiệt như vậy? Trên cơ sở giới thiệu các khái niệm liên quan đến văn học nữ Trung Quốc và thời kỳ mới, bài báo tìm hiểu số lượng tác phẩm dịch và đặc trưng của từng giai đoạn dịch, từ đó tiến hành phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến công tác dịch thuật, làm sáng tỏ lịch sử quá trình tiếp nhận và dịch thuật dòng văn học này tại Việt Nam.

Từ khóa: văn học thời kỳ mới, tiểu thuyết nữ Trung Quốc, dịch thuật, tiếp nhận

FACTORS AFFECTING THE TRANSLATION OF CHINESE WOMEN'S NOVELS IN THE NEW PERIOD IN VIETNAM

Doan Thi Minh Hoa

University of Foreign Languages and International Studies, Hue University,

57 Nguyen Khoa Chiem Str. Hue city, Viet Nam

*Correspondence to **Doan Thi Minh Hoa** < dtmhoa@hueuni.edu.vn >

(Received: May 15, 2023; Accepted: June 29, 2023)

Abstract. In 1996, the female Chinese novel of the new period was firstly translated and published in Vietnam, since then nearly thirty years have passed, but novels of this literary motif has been still warmly welcomed in the Vietnamese book market. There was even a time when the number of translated novels were up to forty books. Hence, what factors make this literature genre so welcomed? The article introduces concepts related to female Chinese literature of the new period, explores the number of translated works and features of each translation period. From there, proceeding analysis of factors that affect translation work, clarifying the history of the process of receiving and translating this literature genre in Vietnam.

Keywords: the new period, the female Chinese novel, translation period, receive

1. Đặt vấn đề

Công cuộc cải cách mở cửa năm 1986 đã khiến diện mạo của nền văn học Việt Nam bắt đầu xuất hiện nhiều đổi thay. Xu thế toàn cầu hóa cũng khiến thị trường sách dịch của Việt Nam trở nên sôi động. Nhiều trào lưu, trường phái và tác phẩm văn học trên thế giới được chuyển dịch vào Việt Nam gần như cùng một thời điểm, ví dụ các tác phẩm văn học kinh điển của văn học Nga, tiểu thuyết trinh thám phương Tây, tiểu thuyết khoa học giả tưởng Mỹ, truyện tranh Nhật Bản, tiểu thuyết Hàn Quốc... Tuy nhiên, trên khắp thị trường văn học dịch, một trong những dòng tiểu thuyết được các nhà nghiên cứu và bạn đọc quan tâm đến nhiều nhất là tiểu thuyết đương đại Trung Quốc, trong đó có tác phẩm của các nhà văn nữ. Nhìn từ số lượng đầu sách có thể thấy, trong 30 năm kể từ khi cải cách mở cửa đến nay, số lượng tiểu thuyết của Pháp được dịch tại Việt Nam khoảng 40 cuốn, tiểu thuyết Hàn Quốc là 103 cuốn, tiểu thuyết kinh điển của văn học Nga là 256 cuốn, tiểu thuyết Trung Quốc trên 1000 cuốn, trong đó tiểu thuyết của nhà văn nữ Trung Quốc trên 400 cuốn. Nhìn từ góc độ tiếp nhận và hiệu ứng xã hội, tiểu thuyết nữ Trung Quốc sau khi được dịch và phát hành tại Việt Nam đã tạo nên hai làn sóng văn hóa. Làn sóng thứ nhất hình thành vào những năm 90 của thế kỷ trước, trong thời gian này, khái niệm “Văn học nữ Trung Quốc” trở thành một chủ đề được nhiều hội thảo và nhà nghiên cứu ở Việt Nam bàn đến. Làn sóng thứ hai hình thành từ năm 2010 cho đến nay, “tiểu thuyết ngôn tình” của các nhà văn nữ Trung Quốc đã trở thành một phương thức tiêu khiển nở rộ và được nhiều độc giả trẻ Việt Nam đón nhận. Gần như có một khoảng thời gian các nhà xuất bản tại Việt Nam đều bị cuốn vào guồng quay của việc dịch và xuất bản dòng tiểu thuyết này. Vậy nguyên nhân nào đã hình thành nên hiện tượng này? Việc tìm về lịch sử

quá trình tiếp nhận và dịch thuật để làm rõ vấn đề nói trên là rất cần thiết trong việc bổ sung và xây dựng diện mạo đầy đủ của bức tranh tiếp nhận văn học Trung Quốc tại Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm “văn học Trung Quốc thời kỳ mới” và “tiểu thuyết nữ Trung Quốc”

Bắt đầu từ năm 1976, Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa toàn diện trên tất cả các phương diện, trong đó văn học với vai trò là phương tiện tái hiện và chuyển tải nội hàm của tiến trình phát triển xã hội đã xuất hiện nhiều đổi mới trong tư duy và phương thức sáng tác. Trước hết nó thể hiện ở việc ra đời những khái niệm văn học gắn liền với đổi mới và tiếp nhận văn học thế giới như là khái niệm “văn học thời kỳ mới” và “văn học nữ Trung Quốc”.

Theo các nhà nghiên cứu Trung Quốc, khái niệm “thời kỳ mới” được xét từ hai góc độ khác nhau. Một là dùng để chỉ dòng văn học từ 1976 đến đầu những năm 1990, như theo quan điểm của Wu Dan: “Kể từ sau 1980, văn học dần rời xa sự chất vấn sâu về tinh thần, hòa vào logic thị trường, tiếp nhận các trào lưu hậu hiện đại. Văn học cuối những năm 80 xuất hiện các trào lưu hậu hiện đại, giải cấu trúc, từ đó nảy sinh ra sự quá độ từ ‘văn học thời kỳ mới’ sang ‘văn học hậu thời kỳ mới’. ‘Văn học hậu thời kỳ mới’ là giai đoạn chín muồi của ‘văn học thời kỳ mới’, sự chú ý của nó về đời sống thường nhật bắt nguồn từ giai đoạn đầu của thời kỳ mới, đồng thời thông qua biện pháp tu từ ẩn dụ tìm kiếm căn cứ lí giải hợp lí. Mục đích cuối cùng của việc làm này là tuyên bố sự kết thúc của ‘văn học thời kỳ mới’”. Hai là dùng để chỉ dòng văn học từ 1976 cho đến nay, như Hong Zhigang đã nói: “ ‘Văn học Trung Quốc thời kỳ mới’ không ngừng phát triển cùng với con người cá nhân của cuộc sống đời thường. Đặc biệt là sự đăng đàn của các nhà văn như Vệ Tuệ, Miên Miên của thập niên 80, mang lại những đặc trưng tinh thần đậm tính cá nhân hóa, linglei hóa... Điều này cũng được thể hiện trong văn học mạng, cùng với sự phát triển và phân hóa không ngừng của các loại hình khiến nhiều loại hình mới như đam mỹ, đồng nhân, tiên hiệp, hậu cung, xuyên không... xuất hiện ngày càng nhiều”. Trong quá trình nghiên cứu về văn học đương đại Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy mạch nối trong sự chuyển đổi tư duy sáng tác, nhất là về vấn đề thường nhật không kết thúc mà ngày càng đa dạng hơn, cá tính hóa hơn, vì vậy khái niệm tiểu thuyết “thời kỳ mới” mà chúng tôi hướng đến trong bài viết là chỉ những tác phẩm văn học sau 1976 đến nay. Và vì lí do thời gian khảo sát cũng như để bảo đảm tính chính xác của số liệu thống kê nên trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ khảo sát đến năm 2019.

Về khái niệm “tiểu thuyết nữ”, ở Trung Quốc và Việt Nam đều có những điểm nhìn đồng nhất khi đứng trên hai bình diện nghĩa rộng và nghĩa hẹp để xác định. Xét về nghĩa hẹp, các

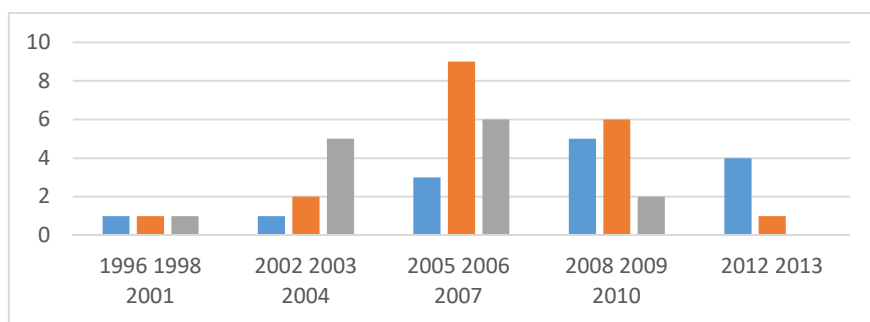
nhà nghiên cứu Trung Quốc mà đại diện là Lưu Tu Khiêm đã xuất phát từ góc độ giới tính để phân biệt, nhưng giới tính mà bà hướng đến mang tính xã hội chứ không phải là giới tính tự nhiên, từ đó cho rằng không phải cứ là tiểu thuyết do nhà văn nữ sáng tác thì thuộc về văn học nữ, mà chỉ những sáng tác của nhà văn nữ thể hiện được ý thức nữ quyền hiện đại mới là văn học nữ. Ở Việt Nam, quan điểm này gần giống với quan điểm của một số nhà nghiên cứu như Trần Thiện Khanh: “Chỉ khi nào phụ nữ sáng tác như một chủ thể – tác nhân chống lại sự tòan chiết của nam quyền, sự đặt định, kiến tạo của nam giới về vị thế xã hội của phụ nữ; phủ nhận kiểu diễn ngôn giả tạo, gán ghép và thiên kiến ‘đàn bà là...’, công khai chống lại sự nhào nặn của hình ảnh người nữ trong nền văn minh của đàn ông; đòi hỏi phải đặt đàn ông vào một vấn đề cần được nhận thức lại và diễn giải lại... thì khi đó mới có văn học nữ quyền”. Tuy nhiên, thiết nghĩ mặc dù ý thức nữ quyền là nhân tố hạt nhân giúp giới nữ xác lập được vai trò và vị trí của mình trong xã hội, nhưng bên cạnh đó, tâm tư tình cảm và cả những thuộc tính tự nhiên mà chúng ta hay gọi tên là “thiên tính nữ” cũng là những yếu tố quan trọng trong cấu trúc để tạo nên một chủ thể hoàn chỉnh. Và xét về sáng tạo văn học, đây cũng là yếu tố tạo nên đặc trưng riêng biệt của dòng văn học này. Vì vậy, trong bài báo này chúng tôi cũng xác định đối tượng nghiên cứu là những tác phẩm theo định nghĩa văn học nữ của Nguyễn Giáng Hương: “Văn học nữ (women’s literature, littérature féminine) hiểu theo nghĩa rộng không bao hàm một thể loại văn học nhất định như thơ ca, tiểu thuyết hay kịch mà là một loạt các văn bản tồn tại dưới nhiều dạng: Nói về phụ nữ; viết bởi phụ nữ; hướng tới công chúng nữ; được nữ giới đọc (ở đây chỉ một bộ phận lớn nữ giới); phục vụ cho một ý kiến hay lý lẽ nào đó của phụ nữ”.

2.2. Các giai đoạn dịch thuật văn học nữ Trung Quốc tại Việt Nam

Sau khi đã xác định khái niệm và phạm vi nghiên cứu như đã nói trên, chúng tôi đã tiến hành khảo sát tình hình dịch và xuất bản tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới tại thị trường Việt Nam trong vòng hơn 20 năm (từ 1996 đến 2019), và nhận thấy diện mạo của tiểu thuyết dịch khá toàn diện, bao gồm tiểu thuyết của các nhà văn nữ thập niên 80 với tình yêu thuần khiết và tâm lý e ngại né tránh chủ đề miêu tả về thân thể người phụ nữ và đời sống tình dục như Trương Khiết, đến tiểu thuyết của các nhà văn nữ thập niên 90 với đặc trưng lấy cơ thể phụ nữ làm chủ đề sáng tác như Vệ Tuệ, và cả những tiểu thuyết đậm chất ngôn tình của những năm đầu thế kỷ XXI như Cố Mạn... Từ đó có thể thấy, tùy vào tình hình xã hội, nhu cầu thị trường mà quá trình dịch tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới được phân ra làm hai giai đoạn khác nhau, với hai đặc trưng dịch thuật riêng biệt.

2.2.1. Giai đoạn dịch thuật hướng đến những tác phẩm “đề xướng và thức tỉnh ý thức nữ quyền” (từ 1996 đến 2013)

Cuối những năm 80 của thế kỷ trước, cuốn tiểu thuyết *Một nửa đàn ông là đàn bà* của Trương Hiền Lượng được dịch và xuất bản tại Việt Nam đã đánh dấu sự giao lưu trở lại của nền văn học hai nước sau một thời gian dài đóng băng, nhưng mãi đến gần 10 năm sau, cuốn tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới đầu tiên mới đến được tay bạn đọc Việt Nam, từ đó đến năm 2013 số lượng tiểu thuyết được dịch là 47 cuốn, và đã được chúng tôi tiến hành thống kê ở bảng 1 và 2.



Bảng 1: Số lượng và thời gian dịch tiểu thuyết nữ Trung Quốc giai đoạn 1

| Tên tác giả | Anche Min | Anni Bảo Bối | Bì Bì | Hồng Ảnh | Lâm Bạch | Miên Miên | Quách Tiểu Lộ |
|-------------|-----------|--------------|-------|----------|----------|-----------|---------------|
| Số lượng | 3 | 3 | 3 | 3 | 1 | 3 | 3 |

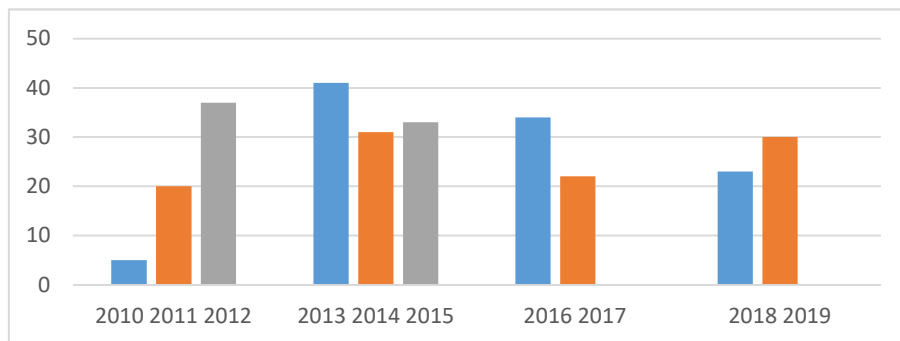
| Tên tác giả | Son Táp | Thiết Ngung | Trì Lợi | Trương Duyệt Nhiên | Trương Kháng Kháng | Trương Khiết | Vệ Tuệ | Vương An Úc | Xuân Thụ |
|-------------|---------|-------------|---------|--------------------|--------------------|--------------|--------|-------------|----------|
| Số lượng | 4 | 5 | 4 | 3 | 1 | 2 | 4 | 2 | 2 |

Bảng 2: Tên và số lượng tiểu thuyết của các nhà văn nữ Trung Quốc thời kỳ mới được dịch tại Việt Nam giai đoạn 1

Từ bảng 1 và 2 cho thấy, số lượng tiểu thuyết được dịch có sự thay đổi theo thời gian, những năm đầu tiên chỉ giới hạn mỗi năm 1 cuốn, sau đó tăng dần lên mức trung bình 5 cuốn 1 năm, rồi đến giai đoạn cuối số lượng giảm lại về trạng thái ban đầu, và đến năm 2013 thì việc dịch dòng tiểu thuyết “đề xướng và thức tỉnh ý thức nữ quyền” này gần như dừng hẳn. Về nhà văn và tác phẩm, có thể thấy rõ giai đoạn này hầu hết các tác phẩm được dịch đều là những tác phẩm chủ yếu tập trung khai thác về ý thức nữ quyền và thiên tính nữ. Trong đó, cuốn tiểu thuyết đầu tiên được dịch và xuất bản là *Đỗ quyên đỏ* của nhà văn Anche Min, cuốn tiểu thuyết này đã được đón nhận nhiệt tình tại Việt Nam (được tái bản 3 lần, vào năm 2001, 2007 và 2009), và nó cũng bắt đầu thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu về văn học nữ Trung Quốc. Kể từ đó các nhà văn nữ thời kỳ mới như Trương Khiết, Thiết Ngung, Vệ Tuệ... và tác phẩm của họ lần lượt xuất hiện trong các sách và giáo trình về văn học đương đại Trung Quốc, đồng thời hình thành nên một trào lưu nghiên cứu về văn học nữ Trung Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, bên cạnh những tác phẩm nói trên, chúng ta còn thấy sự xuất hiện đơn lẻ của một vài tác giả ngôn tình như Tào Đình, Tân Di Ổ. Tuy nhiên đây cũng là điều dễ hiểu, vì một mặt những tiểu thuyết “ngôn tình mạng” thuộc thời kỳ đầu một phần nào đó vẫn còn mang hơi hướng của việc tìm về bản sắc thiên tính nữ, mặt khác đó cũng là tụ điểm của sự giao thoa và chuyển tiếp lên giai đoạn mới.

2.2.2. Giai đoạn dịch thuật hướng đến dòng tiểu thuyết ngôn tình (từ 2013 đến 2019)

Bước vào những năm 20 của thế kỷ XXI, đặc biệt là từ 2013 trở đi, xu thế dịch và tiếp nhận tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới tại Việt Nam xuất hiện nhiều thay đổi, tạo nên một phong cách tiếp nhận văn học hoàn toàn mới mẻ so với thời kỳ trước.



Bảng 3: Số lượng tiểu thuyết ngôn tình Trung Quốc dịch ở Việt Nam từ 2010 đến 2019

Từ bảng 3 có thể thấy, kể từ sau 2010, tình hình dịch tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi, được thể hiện ở hai điểm sau: Một là, số lượng nhà văn và số lượng tác phẩm được quan tâm đã tăng lên rất nhiều, từ con số hơn 10 nhà văn của giai đoạn 1 đã tăng lên hơn 70 nhà văn (do khuôn khổ của bài báo có hạn, nên chúng tôi xin không liệt kê danh sách các nhà văn ở đây). Số lượng tác phẩm được dịch cũng tăng từ 40 lên đến hơn 400 tác phẩm. Điều này cho thấy, mặc dù đã hơn 20 năm trôi qua nhưng độc giả Việt Nam vẫn luôn có sự quan tâm đặc biệt đối với tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới. Thứ hai, ngoại trừ hai trường hợp cá biệt là nhà văn Lục Lục và An Ni Bảo Bối thì các nhà văn nữ còn lại đều là tác giả của dòng tiểu thuyết ngôn tình. Và xét về chủ đề, tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới được chọn dịch cũng đã bắt đầu thay đổi, từ chú trọng “sự thức tỉnh của ý thức nữ quyền” trong dòng “tiểu thuyết đề xướng sự lan tỏa thức tỉnh về giới tính”, các dịch giả đã bắt đầu chuyển hướng qua dòng tiểu thuyết ngôn tình với chủ đề chính thường xoay quanh chuyện tình yêu nam nữ. Từ hai điều trên cho thấy, kể từ sau 2010, góc độ tiếp nhận tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới tại Việt Nam đã chuyển từ sự quan tâm “dòng tiểu thuyết chủ lưu” sang yêu thích dòng “tiểu thuyết đại chúng”, và đây cũng là đặc trưng lớn nhất của giai đoạn dịch thuật thứ hai.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến dịch thuật

2.3.1. Ảnh hưởng từ sự tiếp nối của truyền thống giao lưu văn hóa Việt – Trung

Xuất phát từ sự tương đồng về văn hóa, sự tương cận trong địa lý mà công tác chuyển dịch tiểu thuyết văn học Trung Quốc tại Việt Nam không còn là một vấn đề xa lạ, thậm chí đã có hơn 100 năm lịch sử, tạo nên một vị trí riêng trong nền văn học dịch của Việt Nam. Bước vào những năm cuối thế kỷ XX, khi cả hai nước cùng dốc sức vào sự nghiệp đổi mới của mình, thì giao lưu văn học lại thêm một lần nữa được nâng lên tầm cao mới. Với quan điểm “mang điều tốt đẹp đến với nhân dân hai nước”, chính phủ Việt Nam và Trung Quốc vô cùng xem trọng sự giao lưu học hỏi trên lĩnh vực văn hóa nói chung và văn học nói riêng, kiến tạo điều kiện và không gian để mở rộng giao lưu. Tổng bí thư Đỗ Mười đã phát biểu tại Đại hội các nhà văn toàn quốc lần thứ VI là “tất cả nhà văn Việt Nam đều nên qua Trung Quốc thăm hỏi một lần”. Và để tăng cường mối quan hệ, hai nước gần như hàng năm đều cử đoàn đại biểu thăm hỏi lẫn nhau. Đặc biệt là, năm 2006, nhân dịp kỷ niệm 60 năm quan hệ ngoại giao, đoàn đại biểu Trung Quốc do nhà văn Vương Mông dẫn đầu đã đến thăm Việt Nam. Năm 2013, nhận lời mời của chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam, nhà văn Thiệt Ngưng đã dẫn đầu đoàn đại biểu đến thăm Hà Nội, bà bày tỏ: “Văn hóa và văn học sẽ khiến người dân hai nước hiểu rõ nhau hơn”. Tháng 11 năm 2017, đoàn đại biểu Hội Nhà văn Trung Quốc do nhà văn Lý Kính Trạch dẫn đầu cũng đã đến thăm Việt Nam. Tại buổi gặp mặt, chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam – nhà văn Hữu Thịnh

bày tỏ: “Không có giao lưu nào bền chặt bằng giao lưu văn học và giá trị văn học dễ được chấp nhận, ở lại lâu bền trong lòng người... Các tác phẩm văn học của bạn giúp bạn đọc nhiều thế hệ Việt Nam hiểu rõ giá trị, tinh hoa của văn hóa cũng như văn học Trung Hoa... Bước vào thời kỳ cải cách, mở cửa, văn học Trung Quốc được dịch, cập nhật rất nhanh tại Việt Nam. Nhiều tác phẩm ưu tú được nhận giải thưởng Mao Thuần, Lỗ Tấn... được bạn đọc Việt Nam đón nhận, yêu mến. Giao lưu văn học đã tạo ra cầu nối bền chặt giữa bạn đọc hai nước, vì thế những thay đổi của văn học Trung Quốc cũng được giới sáng tác, bạn đọc Việt Nam quan tâm”. Nhà văn Lý Kính Trạch cũng khẳng định “văn học dịch cũng chiếm vị trí quan trọng đối với bạn đọc nước này... Không chỉ thế, hàng năm giải thưởng văn học uy tín của Trung Quốc là giải thưởng Lỗ Tấn đều có những giải dành riêng cho văn học dịch. Các nhà văn Trung Quốc kỳ vọng sẽ nhận được nhiều hơn sự cộng tác của các nhà văn Việt Nam trên văn đàn nước bạn”.

Ngoài sự giao lưu giữa Hội Nhà văn hai nước, nhiều nhà xuất bản tư nhân, nhà phát hành sách và cả nhà xuất bản như NXB Văn học, NXB Phụ nữ... cũng bắt đầu góp mặt trong sự nghiệp giao lưu văn học Việt – Trung, từ đó đưa công tác dịch sách, nhất là tiểu thuyết nữ Trung Quốc lên một tầm cao mới. Ngày 17/12/2011, Công ty Văn hóa và Truyền thông Chibooks nhân dịp cuốn *Tê đại* của Xuân Thụ phát hành ở Việt Nam đã mời tác giả này sang Việt Nam giới thiệu sách và giao lưu với bạn đọc. Công ty này còn mua bản quyền năm cuốn tiểu thuyết khác của cô để dịch và phát hành tại Việt Nam. Ngày 04/4/2015, Công ty DinhtiBooks với vai trò là nhà phát hành độc quyền tiểu thuyết của Diệp Lạc Vô Tâm tại Việt Nam đã mời tác giả này sang Việt Nam giao lưu với bạn đọc, và nhà văn này sau đó cũng đã sáng tác tác phẩm ưu tiên xuất bản tại thị trường Việt Nam.

Bên cạnh những điều nói trên, một trong những nhân tố thúc đẩy văn học Trung Quốc, đặc biệt là văn học nữ đến với Việt Nam là chính sách đưa văn hóa Trung Hoa “vươn ra bên ngoài” mà chính phủ Trung Quốc đang cố gắng thực hiện trong những năm đầu thế kỷ XXI. “Hòa mình vào thế giới với một tư thái phóng khoáng, từng bước mở rộng giao lưu văn hóa, thực hiện sách lược ‘vươn ra bên ngoài’, dốc sức tuyên truyền sự nghiệp vĩ đại trong cải cách và xây dựng Trung Quốc mới, lan tỏa văn hóa Trung Quốc, hướng đến mục tiêu gia nhập vào các trào lưu xã hội và truyền thông chủ đạo trên thế giới, tận dụng triệt để kinh tế thị trường và sức mạnh truyền thông để xây dựng hình ảnh Trung Quốc hoàn toàn mới”, là mục tiêu mà Trung Quốc vô cùng coi trọng, họ đã thực hiện mục tiêu này thông qua con đường xuất khẩu sản phẩm văn hóa. Sản phẩm văn hóa mà Trung Quốc chú trọng phát triển trong chính sách

“vươn ra bên ngoài” rất đa dạng, bao gồm biểu diễn nghệ thuật, điện ảnh, trò chơi điện tử và cả văn học mạng – trong đó có “tiểu thuyết ngôn tình mạng” đang làm mưa làm gió tại thị trường sách của nhiều nước Châu Á, và Việt Nam chúng ta cũng không ngoại lệ.

2.3.2. Ảnh hưởng từ sự đổi mới trong nội tại nền văn học Việt Nam

Đại hội Đảng lần thứ VI diễn ra năm 1986 đã mang lại nhiều sự đổi thay trên mọi lĩnh vực của Việt Nam, và văn học cũng không ngoại lệ. Phương châm “nói thẳng, nói thật” đã khích lệ và cổ vũ sự tự do trong sáng tác. Dưới nhu cầu thẩm mỹ của xã hội mới, tính sử thi trong văn học Việt Nam dần dần phai nhạt. Văn học Việt Nam thời kỳ này xuất hiện nhiều tiểu thuyết với chủ đề và đề tài mới mẻ, trong đó không còn tập trung ca ngợi sự nghiệp vẻ vang của cách mạng, mà đã hướng ngòi bút vào miêu tả cuộc sống thường nhật và cả những góc khuất của nó. Mà những vấn đề như tình yêu, tình dục, cuộc sống đô thị, vấn đề đồng tính... cũng chính là chủ đề thường thấy trong văn học nữ Trung Quốc thời kỳ mới. Vì vậy, văn học hai nước Việt – Trung đã tìm thấy sự đồng điệu về chủ đề, ngữ cảnh và ngữ ngôn ở dòng văn học nữ.

Bên cạnh đó, sự đổi mới về quan niệm con người trong văn học Việt Nam cũng là một yếu tố để văn học nữ Trung Quốc dễ dàng được tiếp nhận. Cùng với sự đổi mới về đề tài sáng tác, vấn đề con người và nhân tính trong các tác phẩm văn học cũng có nhiều thay đổi, mà nổi bật nhất chính là sự chuyển hướng từ con người sử thi sang con người thường nhật, từ tập thể chuyển sang cá nhân. Vấn đề con người cá nhân trong Văn học Việt Nam trước 1975 đã bị hòa chung vào với con người tập thể. Nhưng sau thời kỳ đổi mới, mỗi cá nhân trong văn học là một vũ trụ riêng biệt, họ không ngừng suy ngẫm và diễn giải sự tồn tại của chính mình, và bạn đọc sẽ dễ dàng bắt gặp điều đó trong tác phẩm của những nhà văn như Nguyễn Thị Thu Huệ, Phạm Thị Hoài, Dạ Ngân, Ma Văn Kháng, Bảo Ninh... Sự biến hóa về nội tâm và cách thức xử sự của các nhân vật trong tác phẩm của họ khiến cho người đọc phải suy ngẫm. Các nhà văn không hề lí giải cuộc sống thế nào là đúng thế nào là sai, và điều mà người đọc nhìn thấy là sự đấu tranh dằng dặc về tính người, đặc biệt vấn đề tình dục được nhiều nhà văn quan tâm khai thác trong quá trình thể hiện bản ngã của con người. Đây cũng chính là đặc trưng nổi bật nhất của văn học nữ Trung Quốc thời kỳ mới như Thiết Ngung, Vệ Tuệ, Quách Tiểu Lộ, Xuân Thu... Ví dụ như nhân vật Tiểu Khiêu trong *Những người đàn bà tím* của Thiết Ngung là một người phụ nữ sống với niềm kiêu hãnh riêng, thành đạt trong sự nghiệp, chủ động quyết định nắm giữ hay buông bỏ tình yêu, nhưng ẩn ức sâu thẳm tâm hồn vẫn bị ám ảnh và tổn thương bởi cái chết của cô em gái bé bỏng thời thơ ấu mà cô là một trong những tác nhân gây ra cái chết khiến nhiều khi cô lạc lối với chính mình. Hay các nhân vật trong tiểu thuyết của An Ni Bảo Bối, Vệ Tuệ đều thể hiện khát khao bản năng của mình qua ngôn ngữ cơ thể, để từ đó thiết lập nên

tiếng nói của riêng mình. Chính sự phá cách về con người trong văn học đó khiến các nhà văn nữ đã có được vị trí và ảnh hưởng nhất định trên văn đàn Trung Quốc, cũng như lan tỏa được tiếng nói của mình hoà vào sự phát triển của nền văn học nữ trên thế giới nói chung, điều đó đã ít nhiều tác động đến sự quan tâm của xã hội Việt Nam, nhất là các nhà văn nữ Việt Nam với văn học nữ Trung Quốc.

Ngoài ra, sự thay đổi quan niệm về con người của văn học Việt Nam cũng khiến sự lựa chọn văn bản dịch của các dịch giả cũng thay đổi. Trường hợp dịch tiểu thuyết *Bảo bối Thượng Hải* của Vệ Tuệ tại Việt Nam sẽ cho chúng ta thấy rõ điều đó. Dịch giả Lê Huy Tiêu trong cuốn *Tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ cải cách* đã đề cập:

“Năm 2001, trong một lần về thăm trường cũ là Đại học Sơn Đông, tôi có nói chuyện với các bạn học cũ, họ rất thích tác phẩm *Bảo bối Thượng Hải* và *Khẩu súng đục vọng* của Vệ Tuệ, và đã tặng tôi hai cuốn đó. Sau khi về nước, tôi chỉ nhìn qua liền lập tức cất vào tủ. Một hôm, một người bạn đến từ Hồng Công nói với tôi cuốn *Bảo bối Thượng Hải* bản tiếng Anh có giá 80 đô la Mỹ. Anh ấy cho rằng đây là một tác phẩm có giá trị nên khuyên tôi dịch ra tiếng Việt. Nhưng mới nghĩ đến việc Vệ Tuệ miêu tả sinh thực khí của người đàn ông như tháp Truyền hình Thượng Hải đã khiến tôi nổi da gà. Cho đến một hôm anh Nguyễn Văn Lưu – Tổng biên tập Nhà xuất bản Văn học đưa cho tôi xem bản dịch của cuốn *Bảo bối Thượng Hải*, tôi nhìn thấy người biên tập phê là ‘có quá nhiều chi tiết miêu tả về tình dục, không xuất bản được’. Nhưng đến năm 2007 tôi lại nhìn thấy cuốn *Bảo bối Thượng Hải* do Nhà xuất bản Văn học xuất bản được bán ở nhà sách Tràng Tiền”.

Mặc dù đoạn văn trên thể hiện mỗi dịch giả đều có cách nhìn và lựa chọn khác nhau về văn bản dịch, nhưng qua đó chúng ta cũng có thể nhìn thấy trong văn học Việt Nam đã có một thời quay lưng với vấn đề tình dục, không chấp nhận cách miêu tả những gì liên quan đến tình dục trực tiếp và lộ liễu. Dịch giả Lê Huy Tiêu sinh năm 1935, từng đảm nhận qua chức vụ Chủ tịch Hội đồng cố vấn Văn học Trung Quốc của Bộ Giáo dục, ông cũng đã dịch rất nhiều tác phẩm kinh điển của văn học Trung Quốc. Ông trưởng thành trong những năm tháng chiến tranh, sáng tác và phê bình văn học của ông chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa Mác – Lênin, bản thân ông có những tiêu chuẩn và giá trị thẩm mỹ riêng của lớp người đi trước, vì vậy, việc ông bài xích những tác phẩm như thế là điều có thể hiểu. Nhưng sau đó, tác phẩm *Bảo bối Thượng Hải* lại được chính Nhà xuất bản Văn học xuất bản, đồng thời người dịch là một nhà văn nữ sinh vào cuối những năm 70, tên Nguyễn Lệ Chi. Cô trưởng thành đúng vào giai đoạn

Việt Nam tiến hành cải cách mở cửa, vì thế cô không chịu ảnh hưởng cứng nhắc bởi những hình thái ý thức chính trị, không có những ràng buộc như của lớp người đi trước, đặc biệt là đối với vấn đề con người, hay nói thẳng ra là không có sự né tránh hay bài xích những sự miêu tả liên quan đến vấn đề tình dục. Điều này cho thấy, văn học Việt Nam trong quá trình đổi mới về vấn đề con người, đã dám khai thác và khám phá cơ thể con người, đưa nó trở thành một nguồn tài nguyên sáng tác mới mẻ, để từ đó tiệm cận hơn với bản năng nguyên thủy của con người tự nhiên. Và đây cũng chính là tiền đề để các dịch giả trẻ mạnh dạn lựa chọn những văn bản này, và cũng là lí do khiến các nhà xuất bản dần dần nói lỏng hơn về công tác xuất bản những tiểu thuyết này.

Bước vào thế kỷ XXI, cùng với sự phổ cập của của internet, văn học Việt Nam phải đối diện với một vấn đề mới, đó là làm thế nào để tận dụng mạng internet vào sự phát triển của văn học. Mạng internet không chỉ là một diễn đàn sáng tác văn học nghệ thuật, mà còn là con đường ngắn nhất đưa văn học nghệ thuật đến với bạn đọc. Internet được đưa vào Việt Nam năm 1997, và đến năm 2000 đã trở nên phổ biến. “Từ những năm đầu của thế kỷ XXI, văn học mạng mới được nhen nhóm từ các diễn đàn (forum) và sau đó bùng lên với các trang blog cá nhân”. Đỗ Hải Ninh đánh giá, từ đây những tác giả đầu tiên của văn học mạng Việt Nam đã xuất hiện, nhiều tác phẩm đạt giải và có lượng độc giả lớn, như *Chuyện tình NewYork* của Hakin, *Dị bản* của Keng, *Người đàn ông có đôi mắt trong* của Cấn Văn Khánh... Chỉ trong vòng mười mấy năm, văn học mạng đã trở thành một hình thức được nhiều bạn đọc trẻ quan tâm yêu thích, không ít cuốn đã được xuất bản. Năm 2010, trong mười cuốn tiểu thuyết ngôn tình được xuất bản thì có ba cuốn vốn là tiểu thuyết ngôn tình mạng. Chúng ta có thể dễ dàng nhìn thấy được rằng, mặc dù chất lượng và số lượng tiểu thuyết ngôn tình mạng của Việt Nam còn nhiều vấn đề đáng bàn, nhưng sự xuất hiện và phát triển của nó về mặt khách quan chính là yếu tố thúc đẩy công tác dịch thuật tiểu thuyết nữ Trung Quốc thời kỳ mới ở Việt Nam bước vào giai đoạn dịch thuật thứ hai.

2.3. Ảnh hưởng từ sự tương đồng trong con đường phát triển của văn học nữ Việt Nam và Trung Quốc

Trong chương mở đầu của cuốn *Bàn về đặc trưng văn học nữ thời kỳ mới*, nhà nghiên cứu Li Jinxiang cho rằng, “Thời kỳ mới là giai đoạn hoàng kim của văn học nữ. Xét từ góc độ lịch sử, văn học nữ thời kỳ mới kế thừa tinh thần của văn học nữ thời kỳ Ngũ Tứ, nó đã tạo nên một đỉnh cao mới, hình thành cao trào lần thứ hai”, từ đó cho thấy văn học nữ Trung Quốc đã trải qua hai giai đoạn phát triển. Giai đoạn đầu tiên diễn vào những năm 20 của thế kỷ XX, xã hội Trung Quốc trong quá trình đi tìm kiếm và thiết lập giá trị mới về “con người” cũng đã nhận thấy sự tồn tại của “nữ giới”. Cuộc cách mạng tư tưởng này đã giải thoát người phụ nữ ra khỏi

gông cùm xiềng xích của giá trị luân lí phong kiến. Nữ giới không chỉ có thể bước ra xã hội tiếp nhận tri thức, mà còn có thể bắt đầu xuất hiện trên văn đàn với vai trò là một người sáng tác có ý thức chủ thể. Tuy nhiên, do thuật ngữ “cái tôi” vừa mới xuất hiện trong “tử điển nữ giới” hiện đại, chưa có đủ thời gian để tôi rèn, vì vậy trong những sáng tác của các nhà văn nữ thời kỳ này phần lớn vẫn còn đang nằm trong giai đoạn đi tìm kiếm, suy ngẫm cho vấn đề “tôi là ai” hay “làm thế nào để xác lập vị trí của người phụ nữ”. Và trong quá trình đi tìm kiếm câu trả lời đó, họ vẫn chưa thật sự rũ bỏ được sự ảnh hưởng của tư tưởng nam quyền và ngữ ngôn của nam giới, vẫn phải mò mẫm trong không gian do nam giới tạo nên. Mặt khác, sự phát triển của lịch sử không kịp và không cho phép họ tiếp tục tìm hiểu suy ngẫm về vấn đề này – họ vừa mới ý thức được vấn đề, và phơi bày nó ra ngoài xã hội, nhưng định hướng phát triển chủ đạo của xã hội đã bắt đầu thay đổi. Những mâu thuẫn mới xuất hiện ngày càng bức thiết hơn, thay thế cho mâu thuẫn “liên minh giữa cha-con” của thời kỳ Ngũ Tứ. Trong tình hình đó, ý thức gạt bỏ tư tưởng phụ quyền nặng nề của xã hội phong kiến chưa kịp được tiến hành triệt để thì đã phải hướng mình vào với quyền lực chính trị mới, hướng đến những quyền lực chính trị “con” được tách ra từ quyền lực “cha”. Và những “mâu thuẫn con” chính là đấu tranh giai cấp, đấu tranh đảng phái và đấu tranh chính trị trong toàn xã hội vào Trung Quốc từ những năm 50 đến những năm 90. Trong khoảng thời gian đó, dưới sự ảnh hưởng của chính sách phân công lao động xã hội chủ nghĩa, đội ngũ các nhà văn nữ Trung Quốc cũng dần dần trưởng thành, họ xuất hiện ngày càng nhiều trên văn đàn, và đã trở thành những nhân vật xã hội có sức ảnh hưởng, những sáng tác của họ không thua kém gì các nhà văn nam giới. Nhưng điều bi thương nhất chính là họ không xuất hiện trên văn đàn với thân phận của một “người phụ nữ” mà lại sánh vai cùng với các nhà văn nam với tư cách là “đồng chí”, “đồng đội”, “đồng bào”. Băng Tâm và Đinh Linh là hai nhà văn nữ có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong giai đoạn văn học này. Băng Tâm bắt đầu sáng tác vào thời Ngũ Tứ, và trong tác phẩm của bà luôn có sự xuất hiện của các nhân vật nữ, hình thành nên loạt tiểu thuyết với đề tài về nữ giới, ví dụ tác phẩm *Hai gia đình* chủ yếu thông qua mối quan hệ giữa gia đình và xã hội khắc họa số phận bị lãng quên của người phụ nữ dưới thời kỳ phong kiến và sự cô đơn yếm thế của họ trong xã hội hiện đại. Trong tập truyện ngắn *Chuyện đàn bà*, nhà văn kể về câu chuyện của 14 người phụ nữ, họ là những người đàn bà dịu dàng, ấm áp, trong sáng như những vì sao trên trời, nhưng như chính tác giả đã nói: “Kỳ thực, tôi cho rằng vấn đề của phụ nữ, nên để đàn ông nói. Vì đàn ông về mặt lập trường, họ khách quan hơn tôi, về thái độ, họ khách khí hơn tôi”. Hình tượng nữ giới trong tác phẩm của Đinh Linh mặc dù xinh đẹp, nhưng lại yếu mềm, và phải luôn dựa dẫm vào nam

giới, họ chưa bao giờ thoát ra sự nhào nặn và kìm kẹp của những người đàn ông. Ví dụ như Mộng Kha trong *Mộng Kha* và Sa Phi trong *Nhật ký của tiểu thư Sa Phi* là những cô gái dám theo đuổi chủ nghĩa cá nhân, nhưng họ luôn bị chôn vùi trong sự cô đơn và thất vọng, bởi vì chủ nghĩa cá nhân của họ chỉ được thực hiện dựa vào những người đàn ông.

Từ 1976 trở đi, Trung Quốc bước vào thời kỳ mở cửa, cả xã hội đều hướng về tự do, điều này khiến đội ngũ các nhà văn nữ Trung Quốc trưởng thành một cách mạnh mẽ, nhiều mạch nguồn sáng tác được thai nghén trong suốt một thời gian dài im lặng đã có cơ hội được tuôn trào. Đặc biệt là bước vào những năm 80, lý luận phê bình văn học nữ phương Tây truyền vào Trung Quốc, cung cấp lý luận và phương pháp luận sáng tác mới cho văn học nữ Trung Quốc. Văn học nữ Trung Quốc thời kỳ mới toát ra một sắc thái mới từ chủ đề sáng tác đến bút pháp nghệ thuật, mở ra một không gian riêng biệt dành riêng cho nữ giới trong sáng tác văn học. Và trong không gian đó, họ kể các câu chuyện của phái nữ một cách thoải mái nhất mà không hề phải lo ngại bất cứ điều gì. “Các nhà văn rất ít nhắc đến những vấn đề lớn, chủ đề yêu thích của họ là những câu chuyện diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, và họ dùng chính sự nhạy cảm, tinh tế vốn có của nữ giới để kể về những điều đó. Không khó để có thể nhận ra, ‘vấn đề tình dục’ trong tác phẩm của các nhà văn nữ không chỉ đến từ những nhu cầu của sự phát triển bản thân, mà nó còn là kết quả của khuynh hướng thúc đẩy trao đổi hàng hóa của xã hội tiêu dùng”. Nếu sự thức tỉnh về giới tính và ý thức thiên tính nữ là đặc trưng nổi bật trong sáng tác của các nhà văn nữ thập niên 80-90, thì bước vào thế kỷ XXI làn sóng này đã dần dần rút ra khỏi vị trí chủ đạo trên văn đàn. Sự xuất hiện của internet khiến văn học mạng trở nên sôi động. Rất nhiều nhà văn nữ bắt đầu lựa chọn internet làm diễn đàn sáng tác mới và đã nhận được sự yêu thích của người đọc như Bi Bi, Trương Duyệt Nhiên, An Ni Bảo Bối. Cùng với sự phổ cập của internet, thành phần người đọc ngày càng mở rộng, đặc biệt là sự góp mặt của thành phần người đọc thuộc 9x và 10x đã khiến văn học mạng dần dần chuyển đổi từ ý thức thiên tính nữ qua miêu tả những câu chuyện tình yêu phù hợp với thị hiếu của bạn đọc trẻ.

Xét về con đường phát triển của văn học nữ Việt Nam có thể thấy, bước vào thế kỷ XX, văn hóa phương Tây đã làm lung lay những giá trị của nền văn hóa Khổng Mạnh vốn từng có chỗ đứng quan trọng trong nền văn hóa Việt Nam. Sự xuất hiện của những tư tưởng mới giúp nữ giới có cơ hội nhìn lại mình, họ bắt đầu dựa vào sự lý giải của chính mình để đánh giá và cảm nhận về hình tượng nữ giới được xây dựng trong những tác phẩm văn học từ cổ tới kim. Hoặc nói một cách khác, nữ giới từ vai trò là đối tượng được miêu tả trở thành chủ thể tiêu dùng của tác phẩm văn học, đồng thời tư tưởng “giải phóng cá nhân” là bộ phận để họ có thể thiết lập lại vị trí của mình trong văn học, chủ nghĩa cá nhân thúc đẩy sự xuất hiện của các nhà văn nữ, họ hy vọng có thể thoát ra khỏi nền văn hóa được tạo nên bởi chủ nghĩa nam quyền.

Nhưng giống như Phan Ngọc đã nói, “Tiểu thuyết do các nhà văn nữ sáng tác và nhận được sự chú ý của các nhà phê bình văn học là rất ít. Họ đang mong đợi có thể đọc được nhiều tác phẩm có giá trị của các nhà văn nữ, bởi vì cho đến thời điểm hiện tại, linh hồn và cá tính của nữ giới đều được quan sát và phân tích bởi nam giới”. Xã hội đã thay đổi vai trò và địa vị của nữ giới, thậm chí mang đến cho văn học nữ Việt Nam một môi trường tốt để phát triển. Nhưng từ những năm đầu thế kỷ XX cho đến 1945, vận mệnh của văn học nữ Việt Nam cũng phải trải qua sự thăng trầm như vận mệnh của văn học nữ Trung Quốc giai đoạn đầu, ý thức cá nhân vừa mới manh nha xuất hiện đã nhanh chóng bị thay thế bởi dòng chảy của ý thức tập thể, tiếng nói vừa mới được xác lập của nữ giới đã bị cuốn vào tiếng nói của dân tộc. Tuy nhiên, do tính đặc thù của thời đại, cùng với sự chia cắt hai miền Nam – Bắc trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, văn học nữ Việt Nam thời kỳ này cũng thể hiện hai khuynh hướng sáng tác đối lập.

Văn học nữ miền Nam dưới sự ảnh hưởng của văn hóa phương Tây, tiếp tục kế thừa tư tưởng phản văn hóa phụ quyền. Đồng thời, họ sớm có điều kiện tiếp xúc với lý thuyết của chủ nghĩa nữ quyền phương Tây và triết học Hiện sinh..., vì thế bút pháp và chủ đề sáng tác của họ hoàn toàn trái ngược với văn học nữ miền Bắc. Văn học nữ miền Nam chủ yếu phản tư về bản sắc của nữ giới, lần đầu tiên họ nhận ra sự giả dối của văn hóa, ý thức được mình đã bị lừa dối bởi tiếng nói nam quyền. Vì thế họ khát khao khám phá và trải nghiệm những lĩnh vực bị cấm kỵ trước đây. Trong khi đó, văn học nữ miền Bắc lại cố gắng duy trì và xây dựng hình ảnh người phụ nữ theo khuôn mẫu của nam giới. Họ tiếp tục được cổ vũ điều chỉnh bản thân để phù hợp với cuộc cách mạng của giai cấp công nông binh, đặt lợi ích xã hội lên trên lợi ích bản thân, họ trở thành những chiến sĩ trên mặt trận đấu tranh, vì vậy văn chương của họ cũng đậm chất sử thi hóa, nam tính hóa. Sau 1975, Việt Nam bước vào thời kỳ độc lập, đặc biệt là sau khi Việt Nam tiến hành cải cách mở cửa vào 1986, văn học nữ Việt Nam cũng bước vào giai đoạn phát triển thứ 3. Trong thời kỳ này, ngoài những nhà văn đã trải qua sự tôi luyện của thời kỳ chiến tranh như Lê Minh Khuê, Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Ngọc Tú... thì những nhà văn chủ lực của văn học nữ đều là những người trưởng thành sau 1975 như Võ Thị Hào, Y Ban, Dạ Ngân, Hoàng Diêu. Trong sáng tác của họ, nữ giới không chỉ có tiếng nói của riêng mình, mà còn có thể tạo dựng lên tiếng nói chung cho phái nữ. Các nhà văn nữ chủ yếu lấy những sự việc diễn ra trong cuộc sống đời thường như tình yêu, hôn nhân, gia đình... làm chủ đề sáng tác. Đặc trưng nổi bật trong sáng tác của họ chính là vận dụng sự tinh tế của ngôn ngữ để bộc lộ mảnh liệt và trần trụi đời sống nội tâm của phái nữ. Điều này là bởi họ xem sáng tác văn học chính là

công cụ phát ngôn của phái nữ, họ mong muốn thông qua sáng tác văn học để tìm lại tiếng nói đã bị đánh mất. “Tôi hy vọng xã hội đọc văn học nữ với một sự lắng nghe và thấu hiểu. Bởi vì đây là tiếng nói phát ra từ nội tâm của người phụ nữ, là nỗi khát khao giải phóng bản thân”.

Tóm lại, từ tiến trình lịch sử của sự phát triển văn học nữ Việt Nam và Trung Quốc có thể thấy, sự thăng trầm và con đường mà họ đã trải qua có nhiều điểm tương đồng, từ đó tạo nên những mong muốn được tìm hiểu lẫn nhau. Ngoài ra, thực tế lịch sử văn học cho thấy, văn học nữ Trung Quốc thường đi trước văn học nữ Việt Nam một bước về cả phong cách và chủ đề sáng tác. Chính vì vậy, văn học nữ Trung Quốc đã xây dựng nên một hệ tham chiếu cho văn học nữ Việt Nam. Qua đó, văn học nữ Việt Nam không chỉ tìm thấy được chính mình mà còn tìm được tiếng nói chung và con đường chung của nữ giới phương Đông trong quá trình thiết lập địa vị xã hội của mình. Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến văn học nữ Trung Quốc thời kỳ mới được tiếp nhận nồng nhiệt tại Việt Nam. Nó tạo nên được tiếng nói chung trong cảm thụ văn học của độc giả để từ đó mở ra không gian rộng lớn cho công tác dịch thuật. Đúng từ góc độ người dịch hay góc độ độc giả đều có thể tìm thấy sự thân thuộc, gần gũi qua hình tượng nhân vật nữ trong các tác phẩm văn học nữ Trung Quốc. Ngoài sự đồng điệu kể trên, sự khác biệt về bút pháp nghệ thuật được tạo nên bởi đặc trưng địa lý và văn hóa dân tộc cũng là lí do thúc đẩy quá trình du nhập của văn học nữ Trung Quốc vào Việt Nam. “Tiểu thuyết nữ Việt Nam hướng đến sự hài hòa, trong quá trình miêu tả sự thức tỉnh của ý thức giới tính thường thể hiện tính hàm súc. Trong khi đó tiểu thuyết nữ Trung Quốc thường chọn cách thể hiện mãnh liệt, thậm chí hơi điên cuồng” Sự khác biệt này là một mảnh ghép bổ sung vào sự thiếu hụt của văn học nữ Việt Nam, và cũng góp phần làm phong phú và thỏa mãn thị hiếu của người đọc Việt Nam.

2.3.4. Ảnh hưởng từ thị hiếu thẩm mỹ của độc giả

Bàn về vai trò của độc giả đối với sáng tác văn học, nhà nghiên cứu Huỳnh Như Phương đã viết: “Độc giả là nhân tố nội tại của sáng tác văn học. Độc giả là khúc xạ hiện thực của nhu cầu xã hội”. Đối với văn học dịch mà nói, độc giả cũng đóng vai trò quan trọng, thậm chí là có vai trò quyết định. Dịch giả là cầu nối để tác phẩm văn học được sống lại thêm một lần nữa, nhưng người đọc lại quyết định đến sự sống còn và hiệu quả truyền bá của tác phẩm trong môi trường mới.

Trước 1986, quan hệ giữa người đọc và nhà văn đã được chú ý đến trong văn học Việt Nam, nhưng vào thời điểm mối quan hệ này vẫn theo khuynh hướng đơn chiều (nhà văn tuyên truyền, dẫn dắt người đọc đọc và phê bình theo ý đồ sáng tác của mình), đồng thời mối quan hệ này đã được định hướng (nhà văn và tác phẩm văn học là công cụ tuyên truyền chính trị, người

đọc dựa vào hình tượng thẩm mỹ và giá trị thẩm mỹ đã được tạo dựng theo yêu cầu chính trị của dân tộc để tiếp nhận tác phẩm văn học). Vì vậy, người đọc ở thời kỳ này chịu ảnh hưởng của chính trị, đều mang tâm thái lý tưởng hóa của chủ nghĩa xã hội để tiếp nhận tác phẩm, thẩm mỹ của họ cũng đậm tính tập thể. Chính vì thế mà người đọc cũng mất đi cơ hội bồi dưỡng và chọn lựa thẩm mỹ của riêng mình. Sau khi đất nước bước vào thời kỳ cải cách mở cửa, xã hội Việt Nam đã có cách nhìn mới về vấn đề con người, đặc biệt là con người trong văn học (bao gồm nhà văn, độc giả, hình tượng nhân vật). Cuộc sống sau cải cách mở cửa có sự đan xen giữa thiện-ác, xấu-đẹp, cao sang-dung tục, và tất cả những điều này có thể ảnh hưởng đến con người mọi nơi mọi lúc. Thêm vào đó cuộc sống thành thị của thời mở cửa cũng làm thay đổi nhu cầu thẩm mỹ của con người, thẩm mỹ văn học của thời kỳ trước đã không còn phù hợp với xã hội hiện đại. Nhu cầu của người đọc Việt Nam ngày càng cao, họ dần dần bước ra khỏi vầng hào quang của sự hào hùng thời chiến, bắt đầu tìm kiếm những tác phẩm có thể phản ánh những mặt trái của cuộc sống, mong muốn được đón đọc những tác phẩm lột tả cuộc sống của con người trong xã hội hiện đại. Văn học Việt Nam trong những năm đầu của thế kỷ XXI đã xuất hiện nhiều đổi thay, và mặc dù văn học Việt Nam cũng có nhiều tác phẩm đề cập đến niềm vui, sự cô đơn, trống trải của con người, tuy nhiên vì sự nghiệp đổi mới của Việt Nam vừa mới bắt đầu, tư tưởng bị đóng khung trong một quá trình lịch sử dài lâu không thể được coi trối và bùng nổ hoàn toàn với chỉ một khoảng thời gian ngắn ngủi, vì thế tác phẩm văn học Việt Nam vẫn chưa có thể thỏa mãn được nhu cầu thẩm mỹ của người đọc. Trước tình hình đó, người đọc Việt Nam chỉ có thể tìm đến những tác phẩm văn học dịch phù hợp với nhu cầu của mình để thỏa mãn thị hiếu đọc. Hoặc chúng ta cũng có thể nói sự phong phú của tác phẩm văn học dịch đã một phần nào đó đáp ứng được nhu cầu của người đọc. Xét về sự phong phú trong đề tài và sự táo bạo trong bút pháp tả thực, nhất là sự khai thác khát khao ẩn ức nội tâm thông qua khắc họa thân thể và tính dục, cũng như sự mới mẻ hiện đại về ngôn ngữ trong tiểu thuyết đề tài ngôn tình, có thể thấy, văn học nữ Trung Quốc đã kịp thời bù đắp khoảng trống đó. Các tác phẩm được dịch phù hợp với thị hiếu của người đọc nữ từ độ tuổi trung niên cho đến các bạn trẻ đương thì. Chính sự tiếp nhận này đã tạo nên một không gian dành riêng cho văn học nữ Trung Quốc tại Việt Nam, mà cụ thể là chỉ trong vòng hơn 20 năm, đã có đến hơn 400 tác phẩm được chuyển dịch.

3. Kết luận

Văn học nữ luôn có một vai trò và chỗ đứng quan trọng trong nền văn học hai nước Việt – Trung kể từ sau khi hai nước tiến hành cải cách mở cửa. Việc dịch và tiếp nhận văn học nữ Trung Quốc thời kỳ mới tại Việt Nam đã phần nào phản ánh được tiến trình phát triển của hai nền văn học cũng như góp phần làm phong phú thêm sự tiếp nhận trào lưu văn học mang tính toàn cầu này tại Việt Nam. Mặt khác, đặc trưng khác biệt của sự tiếp nhận trong hai giai đoạn dịch thuật, đã phản ánh rõ ảnh hưởng của nền văn hóa bản địa đối với tác phẩm văn học dịch, nó góp phần quan trọng trong việc chọn lựa văn bản và cũng là yếu tố mạch nguồn tiếp tục nuôi dưỡng cho tác phẩm đó được mang một số phận mới tại nền văn hóa tiếp nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà chủ biên (2017), *Văn học Việt Nam ba mươi năm đổi mới(1986-2016) – sáng tạo và tiếp nhận*, NXB Văn Học, trang 228, 238.
2. Wu Dan (2012), ‘*时期文学到新世纪文学——从文学角度思考新世纪文学概念的产生*’, *艺术百家*, 第 8 期, trang 103–108.
3. Hong Zhigang (2018), ‘*人的变迁——新时期文学四十周年观察*’, *改革开放四十年纪念专辑*, trang 52–58.
4. Trần Thiện Khanh, Phùng Gia Thế (2016), *Văn học và giới nữ (Một số vấn đề lý luận và lịch sử)*, NXB Thế Giới, Hà Nội, trang 175–176.
5. Nguyễn Giáng Hương (2010), *Văn học nữ và một số xu hướng văn học nữ quyền Pháp*. Truy cập ngày 01.3.2023 tại <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>
6. Phạm Phúc Vĩnh (2016), *Quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc theo đường lối đối ngoại đổi mới của Đảng Cộng Sản Việt Nam(1989-1991)*, *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ*, kỳ số (11), trang 28–36.
7. Mai An (2017), *Văn học Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng*, truy cập ngày 01.3.2023 tại <http://www.sggp.org.vn>
8. Hoàng Hà (2017), *Giao lưu giữa nhà văn Trung Quốc và Việt Nam: Đi, đọc và viết*, truy cập ngày 01.3.2023 <http://vietbao.vn>

9. Liu Yunhong (2019), *关于新时期中国文学外译评价的几个问题*, 中国外语报刊, trang 103–111.
10. Lê Huy Tiêu (2011), *Tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ cải cách mở cửa*, NXB Giáo dục, trang 295.
11. Đỗ Hải Ninh (2017), *Văn học mạng như là một hiện tượng văn hóa đại chúng trong văn hóa đương đại Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu văn học, trang 3–14.
12. Li Jinxiang (1995), *浅论新时期女性文学的特征*, 温州师范学院学报, 第 5 期, trang 40–43.
13. Bing Xin (1943), *关于女人*, truy cập ngày 04.3.2023 tại <https://www.shutxtcom/mz/9457/533350.html>
14. Trần Lê Hoa Tranh (2010), *Văn xuôi nữ Trung Quốc cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI*, NXB ĐH Quốc gia TP.HCM, trang 89.
15. Trần Thiện Khanh, Phùng Gia Thế (2016), *Văn học và giới nữ (Một số vấn đề lý luận và lịch sử)*, NXB Thế Giới, Hà Nội, trang 182.
16. Đoàn Trang(2006), *Y Ban-lãng nghe tác phẩm của nhà văn nữ*, truy cập ngày 15.02.2023 tại <https://cand.com.vn>
17. Hồ Khánh Vân (2020), *Phê bình nữ quyền và văn xuôi nữ giới Việt Nam Trung Quốc đương đại (nghiên cứu trường hợp Dạ Ngân và Thiết Ngưng)*, Luận án Tiến sĩ ĐH Quốc Gia TP.Hồ Chí Minh.
18. Huỳnh Như Phương (2010), *Lý luận văn học (nhập môn)*, NXB ĐH Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, trang 165.